

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **137/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 04-12-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đào Thị Thu Hương

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thuật và ông Đỗ Xuân Chúc

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Tiến Đạt - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên: Ông Nguyễn Ngọc Thơ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 101/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 21/11/2023 giữa, các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị H, sinh năm 1982, nơi cư trú: Thôn L, xã L1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1979, hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã L1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; hiện đang chấp hành án tại Khu lao động dạy nghề Phân trại 3 - Trại giam Thanh Lâm, huyện X, tỉnh Thanh Hoá.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Khánh H1, sinh ngày 12/10/2006 và cháu Nguyễn Xuân K, sinh ngày 30/5/2011, đều cư trú tại: Thôn L, xã L1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Người đại diện hợp pháp của cháu H1 và cháu K: Chị Ngô Thị H, sinh năm 1982, nơi cư trú: Thôn L, xã L1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1946, cư trú tại: Thôn L, xã L1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Ngô Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên ngày 03/01/2006. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2011

do chị phát hiện anh T nghiện Heroine. Mặc dù được gia đình khuyên ngăn, cho cai nghiện nhưng anh T không cai được Heroine, anh T nhiều lần mang xe đạp, xe máy của chị đi cầm lấy tiền dùng thuốc, vợ chồng sống ly thân nhiều năm. Ngày 21/02/2023 anh T bị xét xử hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện nay anh T đang đi chấp hành án ở Trại giam Thanh Lâm, huyện X, tỉnh Thanh Hoá. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T

Về con chung: Chị và anh T có 02 người con chung là cháu Nguyễn Khánh H1, sinh ngày 12/10/2006 và cháu Nguyễn Xuân K, sinh ngày 30/5/2011. Hiện cả hai cháu đang ở cùng chị. Chị H đề nghị Tòa án giao cho chị tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và cháu K đến khi thành niên, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về công nợ và tài sản: Chị H trình bày vợ chồng không có công nợ chung, về phần tài sản chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai 17/10/2023 và các văn bản kèm theo, bị đơn anh Nguyễn Xuân T trình bày: Anh T xác nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như chị H trình bày là đúng. Theo anh T quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, hiện anh đang đi chấp hành án nên anh không đồng ý ly hôn chị H. Về con chung: Anh và chị H có hai con chung như chị H trình bày, hiện hai con đang sống cùng chị H, anh không có ý kiến về phần con chung. Về công nợ, tài sản: Anh T xác định anh và chị H không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không anh không có ý kiến gì. Anh T có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh trong suốt quá trình tố tụng, cũng như các phiên tòa xét xử vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Khánh H1 và cháu Nguyễn Xuân K có quan điểm: Hiện hai cháu đang ở với mẹ, mong muốn của các cháu là được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Ông Nguyễn Văn N (tức Nguyễn Xuân Nụ - bố anh T) trình bày: Xác nhận thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như chị H trình bày là đúng. Quá trình sinh sống vợ chồng anh T, chị H phát sinh mâu thuẫn là do anh T nghiện Heroine, do đặc thù lái xe đường dài, chị H đã nhiều lần khuyên bảo anh T cai nghiện nhưng anh T cai nghiện không thành nên vợ chồng xảy ra mâu. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh T, chị H có hai người con chung như chị H trình bày, ông đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của anh T và chị H. Vợ chồng anh T và chị H không có công sức, đóng góp gì về tài sản với gia đình ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y trình bày quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản hòa giải và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh T. Giao cháu H1 và cháu K cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về phần công nợ, tài sản, do các đương sự tự nguyện không yêu cầu

Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Ngô Thị H khởi kiện ly hôn đối với anh Nguyễn Xuân T, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Xuân T có hộ khẩu thường trú tại huyện Y, tỉnh Hưng Yên nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

[2] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự:* Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] *Về nội dung:*

3.1 Về quan hệ hôn nhân: Qua lời trình bày của nguyên đơn là chị H cũng như các tài liệu chứng cứ do đương sự giao nộp đã phù hợp với nội dung xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên, nên có đủ căn cứ xác định chị H và anh T đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã L1 03/01/2006 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp, việc chị H khởi kiện ly hôn đối với anh T sẽ được Tòa án xem xét và giải quyết theo thủ tục ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án thì thấy: Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T nghiện Heroine, mặc dù đã được cai nghiện nhiều lần nhưng anh T không cai được Heroine dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H và anh T ly hôn là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

3.2. Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh H1, sinh ngày 12/10/2006 và cháu Nguyễn Xuân K, sinh ngày 30/5/2011.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị H thì thấy: Hiện anh T đang đi chấp hành án, nguyện vọng của cháu H1 và cháu K mong muốn được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, anh T hiện không thể trực tiếp nuôi dưỡng được các con, các con đều mong muốn được ở với mẹ, anh T không có quan điểm gì về việc nuôi con. Xét đề nghị, điều kiện chăm sóc con, hoàn cảnh của các bên và để đảm bảo quyền lợi, sự ổn định của các con, cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H1 và cháu K đủ 18 tuổi như đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là có căn cứ. Anh T có quyền thăm nom con chung, quyền yêu cầu thay đổi nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

3.3. Về công nợ và tài sản: Chị H và anh T không có công nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[4] *Về án phí*: Chị Ngô Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị H và anh Nguyễn Xuân T ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị Ngô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khánh H1, sinh ngày 12/10/2006 và cháu Nguyễn Xuân K, sinh ngày 30/5/2011 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, công nợ, tài sản: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Chị H đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009569 ngày 04/10/2023 của Chi cục THA dân sự huyện Y. Chị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA dân sự huyện Y ;
- UBND xã L1 (nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Thị Thu Hương